**PHỤ LỤC SỐ 4**

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
*(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế)*

**ĐỊA PHƯƠNG: ……………
DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ:**

**Kính gửi:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố ………………

**BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Kỳ báo cáo: ………………… năm …………..**

Tên1: ....................................................................................................................................

Nghề nghiệp sản xuất kinh doanh2: .........................................................................................

Loại hình3: ............................................................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý4: .......................................................................................

Địa chỉ: (Số nhà, đường phố, quận, huyện, thị xã) ...................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo | ĐVT | Số liệu |
| 1 | Lao động  |   |   |
| 1.1. Tổng số lao động  | Người |   |
| - Trong đó: Tổng số lao động nữ | Người |   |
| 1.2. Số Lao động trực tiếp  | Người |   |
| - Trong đó:+ Tổng số lao động nữ | Người |   |
|   | + Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV, V, VI)  | Người |   |
| 2 | Tai nạn lao động  |   |   |
| - Tổng số vụ tai nạn lao động  | Vụ |   |
| + Trong đó, số vụ có người chết | Vụ |   |
| - Tổng số người bị tai nạn lao động  | Người |   |
| + Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động  | Người  |   |
| - Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp …)  | Triệu đồng |   |
| - Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền) | Triệu đồng |   |
| - Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động  | Ngày  |   |
| 3 | Bệnh nghề nghiệp  |   |   |
| - Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo  | Người  |   |
| Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp  | Người  |   |
| - Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp  | Ngày  |   |
| - Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp  | Người  |   |
| - Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp …) | Triệu đồng |   |
| 4 | Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động  |   |   |
| +Loại I | Người  |   |
| + Loại II | Người  |   |
| + Loại III | Người  |   |
| + Loại IV | Người  |   |
| + Loại V | Người  |   |
| 5 | Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động |   |   |
| - Tổng số người sử dụng lao động được huấn luyện/ tổng số người sử dụng lao động hiện có | Người/ người  |   |
| - Tổng số cán bộ an toàn - vệ sinh lao động được huấn luyện/Tổng số cán bộ an toàn - vệ sinh lao động hiện có | Người/ người  |   |
| - Tổng số an toàn - vệ sinh viên được huấn luyện/Tổng số ATVSV hiện có | Người/ người  |   |
| - Số người lao động được cấp thẻ an toàn/Tổng số người lao động làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động  | Người/ người  |   |
| - Tổng số người lao động được huấn luyện  | Người  |   |
| - Tổng chi phí huấn luyện: (Chi phí này nằm trong Chi phí tuyên truyền, huấn luyện nêu tại Điểm 10) | Triệu đồng |   |
| 6 | Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ |   |   |
| - Tổng số  | Cái  |   |
| - Trong đó: +Số đã được đăng ký + Số đã được kiểm định | CáiCái  |   |
| 7 | Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi  |   |   |
| - Số giờ làm thêm bình quân/ngày, người  | Giờ |   |
| - Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng (hoặc cả năm)/ 1 người  | Ngày  |   |
| 8 | Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật |   |   |
| - Tổng số người  | Ngày  |   |
| - Tổng chi phí (Chi phí này nằm trong Chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại Điểm 10) | Triệu đồng  |   |
| 9 | Tình hình đo đạc môi trường lao động  |   |   |
| - Số mẫu đo môi trường lao động  | Mẫu |   |
| - Số mẫu không đạt tiêu chuẩn | Mẫu |   |
| - Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo + Nhiệt độ+ Bụi+ Ồn+ Rung+ Hơi khí độc+ … | Mẫu/mẫu |   |
| 10 | Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động  |   |   |
| - Các biện pháp kỹ thuật an toàn  | Triệu đồng |   |
| - Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh  | Triệu đồng |   |
| - Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân  | Triệu đồng |   |
| - Chăm sóc sức khỏe người lao động  | Triệu đồng |   |
| - Tuyên truyền, huấn luyện  | Triệu đồng |   |
| - Chi khác | Triệu đồng |   |

|  |  |
| --- | --- |
|   | ….., ngày … tháng … năm ...Thủ trưởng đơn vị(Ký tên, đóng dấu) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Hướng dẫn cách ghi:**

**- Tên (1) và ngành nghề kinh doanh (2):** Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**- Loại hình doanh nghiệp (3): Ghi theo đối tượng áp dụng của Thông tư này, cụ thể:**

o Doanh nghiệp nhà nước

o Công ty Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty TNHH 01 thành viên

o Công ty cổ phần/Công ty cổ phần trên 51% vốn thuộc sở hữu Nhà nước

o Doanh nghiệp tư nhân

o Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/Công ty 100% vốn nước ngoài

o Công ty hợp danh

o Hợp tác xã …

o Khác

**- Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý (4):**

o Ghi tên Công ty mẹ hoặc tập đoàn kinh tế, nếu là doanh nghiệp thành viên trong nhóm công ty;

o Ghi tên Tổng Công ty, nếu là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;

o Ghi tên Sở, Ban, Ngành, nếu trực thuộc Sở Ban ngành tại địa phương;

o Ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ quản, nếu trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ;

o Không ghi gì nếu không thuộc các loại hình trên.